TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 30-11-2023
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đằng

Ông Lê Quang Trí

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/11/2022 và ngày 30/11/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp chia thừa kế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Trần Thanh H, sinh năm 1964; (Có mặt)

Địa chỉ: Số E, đường T, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* của bà Trần Thanh H là Luật sư Cao Minh T, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

Địa chỉ: Số B, Nguyễn Cư T1, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thế H1, sinh năm 1948;

Địa chỉ: B N.90th L, P, AZ H, USA.

Địa chỉ liên hệ: S29 Park Riverside, Bưng Ô, phường P, thành phố T, Thành phố H;

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Trần Thế H1 là chị Lê Thị Anh T2; Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà V, số 277-279, L, phường B, Quận A, Thành phố H; (Vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Trần Thế H1 là anh Trần Phan Thế V, sinh năm 1979; Địa chỉ liên hệ: S29 P, Bưng Ô, phường P, thành phố T, Thành phố H; (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* của ông Trần Thế H1 là Luật sư Phan Thị Quỳnh A, Công ty L2 và cộng sự thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà V, số 277-279, L, phường B, Quận A, Thành phố H (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trần Thị N, sinh năm 1940;

Địa chỉ: A W M, P, AZ H, USA.

3.2. Trần Thiên C, sinh năm 1944;

Địa chỉ: C N . I, A, AZ 85392, USA.

3.3. Trần Julie Thu H2, sinh năm 1946;

Địa chỉ: A L, APT 2014, S, CA 95122, USA.

3.4. Trần Jacqueline Thanh Y, sinh năm 1950; (Vắng mặt)

Địa chỉ: E M, S, CA I, USA.

3.5. Trần Thị Lệ T3, sinh năm 1952;

Địa chỉ: B S 114th L, A, AZ 85323, USA.

3.6. Trần Thị V1, sinh năm 1954; (Chết ngày 24/02/2021)

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của bà Trần Thị V1:

3.6.1. Ông Lai Hán V2, sinh năm:1946; (Chồng bà V1)

3.6.2. Ông Lai Tự K, sinh năm : 1977; (Con bà V1)

3.6.3. Bà Lai Nhã O, sinh năm : 1979 ; (Con bà V1)

Cùng địa chỉ: A Hopetow Ct . S, CA 95122, USA.

3.7. Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1955;

Địa chỉ: A W . H, G, AZ85338, USA.

3.8. Trần Thanh T4, sinh năm 1958; (Có mặt)

Địa chỉ: A W G, A, AZ H, USA.

3.9. Trần Thị P1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: A P # 78, C, CA, USA.

3.10. Trần Thanh L, sinh năm 1962; (Có mặt)

Địa chỉ: C De La C, S, CA 95054 USA.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, ông Lai Hán V2, chị Lai Nhã O1, anh Lai Tự K1 là bà Trần Thanh T4 (Có mặt); bà Trần Thanh L (Có mặt); bà Trần Jacqueline Thanh Y (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* của bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Jacqueline Thanh Y, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L là Luật sư Trần Văn N1, Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; (Có mặt)

Địa chỉ: G, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Phan Thu T5, sinh năm 1954;

Địa chỉ: B N.90th LANE, PHOENIX, AZ 85037, USA.

Địa chỉ liên hệ: S29 Park Riverside, Bưng Ô, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Phan Thu T5 là chị Lê Thị Anh T2; Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà V, số 277-279, L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt)

3.12. Trần Phan Thế V, sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 529 P, Bưng Ô, phường P, thành phố T, Thành phố H

3.12. Phan Thế M, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Trần Hồng H4, sinh năm: 1968 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: A H; A G, CA 92840, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn bà Trần Thanh H trình bày:*** Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà là ông Trần Văn H5, bà Ông Thị C1 mua của chủ đất là bà Lê Thị T6 từ năm 1963 với diện tích qua đo đạc thực tế là 781,1m^2 tại khóm T, phường A, thành phố S.

Ông H5 cha bà có vợ trước là bà Huỳnh Thị G, hai người có con chung gồm 11 người: 1. Bà Trần Jacqueline Thanh Y; 2. bà Trần Thị N; 3. ông Trần Thiên C; 4. bà Trần Julie Thu H2; 5. bà Trần Thị Lệ T3; 6. bà Trần Thị V1; 7. bà Trần Thị Thanh H3; 8. bà Trần Thanh T4; 9. bà Trần Thị P1; 10. bà Trần Thanh L; 11. ông Trần Thế H1 (bà G chết năm 1962).

Căn nhà và phần đất tranh chấp cha, mẹ bà (là bà Ông Thị C1), quản lý sử dụng đến khoảng năm 1969 thì cha, mẹ bà bất hòa, có nhiều mâu thuẫn, nên mẹ bà đã bỏ đi, để lại căn nhà và đất cho cha bà quản lý.

Đến khoảng năm 1990 cha bà chết thì nhà và đất do anh Trần Thế H1 tiếp nhận quản lý sử dụng. Khi cha bà sống chung với mẹ bà thì chỉ có một người con là bà. Sau khi mẹ bà bỏ đi, cha bà có chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác và có một con chung tên là Trần Hồng H4.

Sau khi ông Trần Thế H1 quản lý sử dụng căn nhà và đất (căn nhà có kết cấu nền gạch, khung bê tông, mái tole, lộp ngói), phần đất thì ông H1 đã đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 001135/QSD/T2T, số phát hành C916957, diện tích là 968m^2 thuộc thửa 2932 tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng đất T, cấp ngày 08/11/1994. Sau đó ông H1 cấp đổi thành "giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 07/3/2002 do ông và vợ là bà Phan Thu T5 đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 781,1m^2 thuộc thửa 2932 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S. Hiện nay căn nhà và phần đất nêu trên ông H1, bà T5 đã ủy quyền giao lại cho cháu bà T5 là anh Phan Thế M đang ở và quản lý.

Như vậy, cha bà là ông Trần Văn H5 hiện nay có tổng cộng 13 người con, gồm: 1. Bà Trần Jacqueline Thanh Y; 2. bà Trần Thị N 3. ông Trần Thiên C; 4. bà Trần Julie Thu H2; 5. bà Trần Thị Lệ T3; 6. bà Trần Thị V1; 7. bà Trần Thị Thanh H3; 8. bà Trần Thanh T4; 9. bà Trần Thị P1; 10. bà Trần Thanh L; 11. ông Trần Thế H1 (những người này là con của ông H5, bà G); 12. bà Trần Thanh H (con ông H5 với bà C1); 13. ông Trần Hồng H4 (con ông H5 với ai bà không biết tên).

Ông Trần Hồng H4, ông Trần Thiện C2 đã được chia tài sản thừa kế xong, nên bà không đồng ý chia cho ông H4, ông C2 theo kỷ phần.

+ Nay bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà như sau:

- Về phần đất bà yêu cầu được nhận 2/12 suất thừa kế trong tổng 781,1m^2, trong đó bà yêu cầu được hưởng 1 phần là của bà và một phần là của bà Ông Thị C1 là mẹ bà được hưởng 1 phần, vì bà C1 là mẹ của bà và chỉ có một mình bà là con, hiện bà C1 đã chết nên phần của bà C1 bà yêu cầu được nhận.

- Về phần căn nhà bà yêu cầu hưởng ½ căn nhà, ½ căn nhà còn lại bà yêu cầu được nhận và đồng ý trả giá trị lại cho các đồng thừa kế được hưởng di sản thừa kế.

Như vậy, bà yêu cầu được nhận hết diện tích 781,1m^2 và toàn bộ căn nhà, bà đồng ý trả giá trị lại cho những người đồng thừa kế còn lại vì bà hiện nay đang ở Việt Nam, những người còn lại đều đang sống và định cư ở Mỹ.

Bà yêu cầu anh Phan Thế M tháo dỡ, di dời căn nhà và các vật kiến trúc của ông cất trên phần đất ra khỏi phần đất tranh chấp để giao trả lại diện tích 781.1m^2 và căn nhà thờ cho bà được quản lý.

Ngày 20/10/2023 và ngày 01/11/2023 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và bà cũng rút yêu cầu chia đối với căn nhà phủ thờ. Bà chỉ yêu cầu chia một kỷ phần bằng

hiện vật đối với phần diện tích đất 71m^2 (781m^2: 11 kỷ phần). Đối với chi phí tố tụng bà tự nguyện chịu.

Đối với yêu cầu của bà H, yêu cầu anh Phan Thế M tháo dỡ, di dời căn nhà và các vật kiến trúc mà anh M đã cất trên phần đất tranh chấp để giao trả lại cho bà hay những người thừa kế khác quản lý.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là Luật sư Cao Minh T thống nhất ý kiến của bà H và không có ý kiến bổ sung thêm.

- Chị Lê Thị Anh T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thế H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thu T5 vắng mặt và có văn bản ý kiến:

- Về nhân thân: Cha mẹ ông Trần Thế H1 là ông Trần Văn H5 (chết năm 1990) và bà Huỳnh Thị G (chết năm 1962), 02 ông bà có tổng cộng 11 người con. Sau khi mẹ của ông Trần Thế H1 chết thì cha ông kết hôn với người vợ thứ hai là bà Ông Thị C1 và có 01 người con là bà Trần Thanh H, đồng thời ông H5 còn có 01 người con riêng là ông Trần Hồng H4.

- Về tài sản: Lúc còn sống, cha mẹ của ông Trần Thế H1 có tạo lập 01 căn nhà cấp 4 gần chùa K2. Sau đó thì đổi căn nhà này với bà Mai Quế A1 thành căn nhà cấp 4 và diện tích đất rộng hơn, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 2932, tờ bản đồ số 01, diện tích 986m^2, mục dích sử dụng đất thổ, cấp ngày 08/11/1994, đất tọa lạc tại số B càu Đ, ấp T, xã T, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm T, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp). Mỗi tháng ông H5 bù thêm tiền cho bà Mai Quế A1 bằng tiền lương Sư phạm của bà Trần Thị N2: 2.000đ/tháng. Sau khi chết, cha mẹ ông Trần Thế H1 để lại di sản là căn nhà nêu trên.

Nay, bà Trần Thanh H yêu cầu được hưởng 2/12 trong tổng diện tích đất 781,1m^2 và ½ căn nhà nêu trên. Bằng văn bản này, phía bị đơn ông Trần Thế H1 không đồng ý đối với các yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể như sau:

1. Thứ nhất, di sản là căn nhà và phần diện tích đất mà cha, mẹ ông H1 để lại được tạo lập trước khi ông H5 và bà C1 kết hôn, cụ thể là từ thời điểm bà Huỳnh Thị G còn sống, đây hoàn toàn được xem là tài sản chung của 2 vợ chồng ông H5 và bà G, phần di sản này hoàn toàn không liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa ông H5 và bà C1, mà đây là tài sản riêng giữa ông H5 và bà G.

2. Theo di chúc của ông H5 để lại hoàn toàn không đề cập đến phần di sản chia cho bà H mà chỉ nhắc đến bà H đã có việc làm ổn định, bà C1 cũng có tài sản và cuộc sống thoải mái, cũng tại di chúc này, ông H5 còn nêu rõ rằng: H1 được toàn quyền sở hữu quản lý căn nhà, được tu bổ, sửa chữa nếu có hư hại và tất cả các người con của ông H5 và người vợ đã chết (bà Huỳnh Thị G) được quyền sử dụng như là nơi ở chung. Vì vậy, không có cơ sở nào để bà H yêu cầu được hưởng 2/12 phần diện tích đất nêu trên.

Thứ hai, trong quá trình chung sống, bà C1 không bỏ công sức đóng góp khi ông H5 bù đổi nhà với bà Mai Quế A1. Sau khi ông H5 tái hôn với bà C1 -

mẹ của bà H, tại thời điểm này, 02 người có lui tới và ngủ vào ban đêm tại căn nhà gần chùa K2. Nhưng sau khi đổi nhà và đất thì bà C1 không ở lại, mà trở về ở tại nhà của bà ngoài phố chợ S. Đồng thời tiền bù đổi nhà là do bà Trần Thị N2 chi trả bằng tiền lương Sư phạm, bà C1 không đóng góp vào khoản tiền bù đổi này. Do đó, yêu cầu được hưởng 2/12 căn nhà của bà H là không hợp lý. Vì vậy, ông H1 không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Thế H1 là Luật sư Phan Thị Quỳnh A thống nhất ý kiến của bị đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, ông Lai Hán V2, bà Lai Nhã O, ông Lai Tự K1 là bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L và bà Trần Jacqueline Thanh Y đồng thời bà L, bà T4, bà Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Jacqueline Thanh Y có đơn xin vắng mặt có văn bản ý kiến và tại phiên tòa bà L, bà T4 có ý kiến: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông H5, bà G sinh sống tạo lập. Khi bà G chết thì ông H5 sống chung với bà C1 sinh ra bà H, nhưng bà C1 không có sống trên phần đất và căn nhà hiện đang tranh chấp. Còn căn nhà là do bà N2 đi làm kiếm tiền góp vô cất nhà. Trước khi ông H5 chết thì ông H5 có làm di chúc để lại tài sản tranh chấp này cho 11 người con của ông H5 và bà G. Bà H không có tên trong di chúc, cho thấy ông H5 không có chia tài sản lại cho bà H. Bà H yêu cầu được hưởng hai phần thì bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Jacqueline Thanh Y, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị V1, bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L không đồng ý. Nhưng vì do là chị, em ruột dù cha không chia cho bà H nhưng các anh, chị em của bà H cũng đồng ý chia cho bà H một phần, còn đối ông Thiên C, ông Hồng H4 thì ông H5 đã chia rồi, ông Thiên C, ông Hồng H4 cũng không có yêu cầu chia tài sản này. Vì vậy bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L, bà Trần Jacqueline Thanh Y đại diện cho các anh, chị em thống nhất chia tài sản làm 11 phần bằng nhau cho bà Trần Thị N, ông Trần Thế H1, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Jacqueline Thanh Y, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thị V1, bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L, bà Trần Thanh H mỗi người một kỷ phần.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Jacqueline Thanh Y, bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị V1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thanh T4, bà Trần Thị P1, bà Trần Thanh L thống nhất theo ý kiến của bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L và bà Trần Jacqueline Thanh Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thế M vắng mặt không lý do, tại phiên hòa giải ngày 31/8/2023 có ý kiến: Thống nhất theo ý kiến của ông Trần Thế H1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hồng H4 có đơn xin vắng mặt có văn bản trình bày ý kiến:

Ông Trần Hồng H4 là con của ông Trần Văn H5 và bà Nguyễn Thị M1. Trước đây ông đã được chia tài sản theo di chúc của ông H5 để lại, nên trong vụ án này ông không nhận chia tài sản nào và cũng không tham gia việc tranh chấp chia thừa kế giữa các anh, chị của ông. Ông H4 xin vắng mặt tất cả các lần hòa giải và xét xử, ông đồng ý với quyết định của Tòa án và không khiếu nại gì về sau.

Các đương sự thống nhất theo bản đồ trích đo; sơ đồ mốc ngày 25/9/2020 được duyệt ngày 19/10/2020, của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2020, biên bản định giá.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và rút yêu cầu chia đối với căn nhà phủ thờ; Đình chỉ đối với yêu cầu trên; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa về việc chia giá trị kỷ phần thừa kế làm 11 phần; Buôc ông H1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà N2, bà H2, bà T3, bà P1, bà H3, bà T4, bà L, bà Y, bà H, bà V1 (có người thừa kế là ông V2, ông K1, bà O) mỗi người số tiền là 268.414. 364đ; không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh H về việc yêu cầu anh M phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc ra khỏi đất và xem xét quyết định phần chi phí tố tụng, án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chia thừa kế diện tích 781,1m^2 của thửa đất 2932 tờ bản đồ số 1 và căn nhà cấp 4 có trên đất do cụ Trần Văn H5 để lại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thế H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thu T5 là chị Lê Thị Anh T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thế M đã được Tòa án triệu tập lần hai hợp pháp nhưng vắng mặt không lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hồng H4; bà Trần Jacqueline Thanh Y có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Trần Văn H5 (chết năm 1990) và bà Huỳnh Thị G (chết năm 1962), ông bà sống chung có tổng cộng 11 người con gồm: 1. Bà Trần Jacqueline Thanh Y; 2. bà Trần Thị N; 3. ông Trần Thiên C; 4. bà Trần Julie Thu H2; 5. bà Trần Thị Lệ T3; 6. bà Trần Thị V1 [người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1 là ông Lai Hán V2 (chồng), anh Lai Tự K1, chị Lai Nhã O (con bà V1)]; 7. bà Trần Thị Thanh H3; 8. bà Trần Thanh T4; 9. bà Trần Thị P1; 10. bà Trần Thanh L; 11. ông Trần Thế H1; Sau khi bà G chết năm 1962, ông H5 kết hôn với bà C1 vào ngày 11/4/1966 có 01 con chung là bà Trần Thanh H; Ngoài ra ông H5 sống chung với bà M1 có 01 con chung là ông Trần Thanh H6. Như vậy, tổng cộng ông H5 có 03 đời vợ sinh được 13 người con (ngoài ra ông không có con nuôi nào khác).

Nguyên đơn cho rằng căn nhà và phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông H5, bà Ông Thị C1 quản lý sử dụng đến khoảng năm 1969 thì cha, mẹ bà bất hòa, có nhiều mâu thuẫn, nên mẹ bà đã bỏ đi, để lại căn nhà và đất cho cha bà quản lý. Đến khoảng năm 1990 cha bà chết thì nhà và đất do ông Trần Thế H1 tiếp tục quản lý và sử dụng.

Khi cha bà sống chung với mẹ bà thì chỉ có một người con là bà. Sau khi mẹ bà bỏ đi, cha bà có chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác và có một con chung tên là Trần Hồng H4.

Sau khi ông Trần Thế H1 quản lý sử dụng căn nhà và đất (căn nhà có kết cấu nền gạch, khung bê tông, mái tole, lộp ngói), phần đất thì ông H1 đã đi kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 001135/T2T, số phát hành C916957, diện tích là 968m^2 thuộc thửa 2932 tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng đất T, cấp ngày 08/11/1994. Sau đó ông H1 cấp đổi thành "giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 07/3/2002 do ông và vợ là bà Phan Thu T5 đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 781,1m^2 thuộc thửa 2932 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S. Hiện nay căn nhà và phần đất nêu trên ông H1, bà T5 đã ủy quyền tạm giao lại cho cháu bà T5 là anh Phan Thế M đang ở và quản lý.

Như vậy, ông Trần Văn H5 hiện nay có tổng cộng 13 người con, gồm: 1. Bà Trần Jacqueline Thanh Y; 2. bà Trần Thị N 3. ông Trần Thiên C; 4. bà Trần Julie Thu H2; 5. bà Trần Thị Lệ T3; 6. bà Trần Thị V1; 7. bà Trần Thị Thanh H3; 8. bà Trần Thanh T4; 9. bà Trần Thị P1; 10. bà Trần Thanh L; 11. ông Trần Thế H1 (những người này là con của ông H5, bà G); 12. bà Trần Thanh H (con ông H5 với bà C1); 13. ông Trần Hồng H4 (con ông H5 với bà M1). Nay bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà được nhận 2/12 suất thừa kế trong tổng diện tích 781,1m^2, trong đó bà yêu cầu được hưởng một phần là của bà và một phần là của mẹ bà là bà Ông Thị C1.

- Về phần căn nhà bà yêu cầu hưởng ½ căn nhà, ½ căn nhà còn lại bà yêu cầu được nhận và trả giá trị lại cho các đồng thừa kế được hưởng.

Vì vậy, bà H yêu cầu được nhận hết toàn bộ diện tích đất 781,1m^2 và toàn bộ căn nhà, bà đồng ý trả giá trị lại cho các đồng thừa kế còn lại vì bà hiện nay đang ở Việt Nam, những người thừa kế còn lại đều đang sống và định cư ở Mỹ, riêng ông C, ông H4 không yêu cầu chia thừa kế vì các ông cũng đã được ông H5 chia rồi.

Bà yêu cầu anh Phan Thế M tháo dỡ, di dời căn nhà và các vật kiến trúc của anh xây cất trên đất ra khỏi phần đất tranh chấp để giao trả lại diện tích 781.1m^2 và căn nhà thờ cho bà hoặc các đồng thừa kế quản lý.

Ngày 26/10/2023, ngày 01/11/2023 bà Trần Thanh H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và bà cũng rút yêu cầu chia đối với căn nhà phủ thờ. Bà chỉ yêu cầu chia một kỷ phần bằng hiện vật đối với phần diện tích đất 71m^2 (781m^2 : 11 kỷ phần).

Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H không yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và không yêu cầu chia căn nhà phủ thờ. Việc bà H rút yêu cầu trên, các đồng thừa kế thống nhất không ai có ý kiến.

Vì vậy, xét đơn xin rút một phần yêu cầu chia thừa kế của bà H đối với kỷ phần của bà C1 và không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà phủ thờ là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên của bà H.

[3] Tại phiên tòa, ông H1, bà H và các đồng thừa kế của ông H5 ủy quyền lại cho bà T4, bà L thống nhất thỏa thuận chia cho các đồng thừa kế mỗi người được hưởng giá trị theo giá mà Hội đồng định giá phần đất theo kỷ phần thừa kế (1/11). Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận tự nguyện trên của các đồng thừa kế là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật, nên Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện trên của các đồng thừa kế tại phiên tòa, vì vậy mỗi kỷ phần được hưởng giá trị theo giá mà Hội đồng định giá phần đất đã định như sau:

- Diện tích đất: 781,1m^2 x 3.3780.000đ/m^2 = 2.952.558.000đ : 11 kỷ phần = 268.414.364đ. Như vậy, một kỷ phần được hưởng 268.414.364đ.

Hiện nay, ông H1 cũng đã đứng tên sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh đồng Tháp cấp ngày 07/3/2002. Do đó, tiếp tục giao cho ông H1 quản lý sử dụng căn nhà và diện tích 781,1m^2 đất trên, ông H1 có nghĩa vụ giao lại kỷ phần cho các đồng thừa kế được hưởng.

[4] Đối với yêu cầu của bà H, yêu cầu anh Phan Thế M tháo dỡ, di dời căn nhà và các vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp để giao trả lại cho các đồng thừa kế quản lý. Hội đồng xét thấy: tại phiên tòa các đương sự cũng đã thỏa thuận thống nhất với nhau và nhận giá trị kỷ phần thừa kế và bà H cũng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia căn nhà nữa. Vì vậy, xét thấy yêu cầu của bà H yêu cầu anh Phan Thế M tháo dỡ, di dời căn nhà và các vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp để giao trả lại cho các đồng thừa kế quản lý là không có căn cứ chấp nhận. Còn việc các đồng thừa kế của ông H5 muốn về

xây dựng lại căn nhà để thờ cúng ông, bà, tổ tiên, hay về Việt Nam định cư sinh sống thì các đồng thừa kế có thể thỏa thuận bàn bạc với nhau.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của bà H đối với yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và rút không yêu cầu chia căn nhà phủ thờ. Nên đình chỉ xét xử yêu cầu trên của bà H; Đối với yêu cầu chia thừa kế, do tất cả các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau, nên Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đồng thừa kế tại phiên tòa mỗi người được hưởng giá trị theo giá mà Hội đồng định giá phần đất theo kỷ phần thừa kế, theo quy định của pháp luật; Không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu anh M tháo dỡ di dời vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp.

Do công nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế được chia giá trị kỷ phần thừa kế của ông H5 để lại, nên bà H, ông H1, bà N, bà H2, bà Y, bà T3, bà P1, bà H3, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1, bà T4, bà L phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng do ông H1, bà N, bà H2, bà Y, bà T3, bà P1, bà H3, bà V1 (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1), bà T4, bà L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên miễn tiền án phí cho các ông bà nói trên. Riêng bà H phải chịu 13.420.718đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và chi phí tống đạt văn bản ra nước ngoài tổng cộng 8.414.067đ bà H tự nguyện chịu (bà đã tạm ứng và đã chi xong).

[5] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia kỷ phần cho bà C1 và không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà phủ thờ; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa mỗi người được hưởng giá trị theo giá mà Hội đồng định giá phần đất theo kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật; Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh H về việc yêu cầu anh M phải tháo dỡ, di dời tài sản có trên phần diện tích đất tranh chấp. Xét lời đề nghị của Luật sư là có căn cứ một phần.

[6] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cũng thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa mỗi người được hưởng giá trị theo giá mà Hội đồng định giá phần đất theo kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Xét lời đề nghị của Luật sư là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị N, ông Trần Thiên C, bà Trần Julie Thu H2, bà Trần Jacqueline Thanh Y, bà Trần Thị Lệ T3, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị Thanh H3, bà Trần Thanh T4, bà Trần Thanh L đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đồng thừa kế cũng thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa mỗi người được hưởng giá trị theo giá mà

Hội đồng định giá phần đất theo kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Xét lời đề nghị của Luật sư là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia một kỷ phần cho bà Ông Thị C1 và đồng ý rút yêu cầu không chia đối với căn nhà phủ thờ; Đình chỉ đối với yêu cầu trên; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa về việc chia giá trị kỷ phần thừa kế làm 11 phần; Buộc ông H1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà N2, bà H2, bà T3, bà P1, bà H3, bà T4, bà L, bà Y, bà H, bà V1 (có người thừa kế là ông V2, ông K1, bà O) mỗi người số tiền là 268.414. 364đ; không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh H về việc yêu cầu anh M phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc ra khỏi đất và xem xét quyết định phần chi phí tố tụng, án phí theo quy định. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 91; Điều 146; Điều 147; Điều 217; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 620; Điều 623; Điều 649; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thanh H yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Ông Thị C1 và không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà phủ thờ.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đồng thừa kế tại phiên tòa mỗi người được hưởng giá trị 1/11 kỷ phần thừa kế.

3. Ông Trần Thế H1 có nghĩa vụ trả giá trị chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế gồm: Bà Trần Thanh H; bà Trần Thị N; bà Trần Julie Thu H2; bà Trần Jacqueline Thanh Y; bà Trần Thị Lệ T3; bà Trần Thị P1; bà Trần Thị Thanh H3; bà Trần Thị V1 [người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1 là ông Lai Hán V2 (chồng), anh Lai Tự K1, chị Lai Nhã O (con bà V1)]; bà Trần Thanh T4; bà Trần Thanh L mỗi người số tiền là: 268.414.364đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ông Trần Thế H1 được quyền quản lý sử dụng căn nhà và đất (căn nhà có kết cấu nền gạch, khung bê tông, mái tole, lộp ngói) theo giấy chứng nhận

quyền quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp tại thửa 2932, tờ bản đồ số 1, diện tích được cấp trên giấy là 968m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 781.1m^2) do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 07/3/2002.

Ông H1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất thực tế theo bản án tuyên.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 25/9/2020, bản đồ trích đo sơ đồ mốc ngày 25/9/2020 được duyệt ngày 19/10/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S).

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh H về việc yêu cầu anh Phan Thế M tháo dở di dời vật kiến trúc, tài sản ra khỏi phần đất.

6. Về chi phí tố tụng và chi phí xem xét thẩm định, định giá:

- Nguyên đơn bà Trần Thanh H tự nguyện chịu 8.414.067đ (đã tạm ứng và đã chi xong).

7. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Thanh H phải chịu án phí chia tài sản thừa kế 13.420.718đ và 300.000đ án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 22.020.000đ theo biên lai thu số 0006003, ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án tỉnh Đồng Tháp, bà H được nhận lại 8.299.282đ tại Cục Thi hành án tỉnh Đồng Tháp.

- Miễn tiền án phí cho ông Trần Thế H1, bà Trần Thị N; bà Trần Julie Thu H2; bà Trần Jacqueline Thanh Y; bà Trần Thị Lệ T3; bà Trần Thị P1; bà Trần Thị Thanh H3; bà Trần Thị V1 [người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1 là ông Lai Hán V2 (chồng), anh Lai Tự K1, chị Lai Nhã O (con bà V1)]; bà Trần Thanh T4; bà Trần Thanh L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ và thời hạn kháng cáo của ông Trần Thế H1, bà Trần Thị N; ông Trần Thiên C; bà Trần Julie Thu H2; bà Trần Jacqueline Thanh Y; bà Trần Thị Lệ T3; bà Trần Thị P1; bà Trần Thị Thanh H3; bà Trần Thị V1 [người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V1 là ông Lai Hán V2 (chồng), anh Lai Tự K1, chị Lai Nhã O (con bà V1)]; bà Trần Thanh T4; bà Trần Thanh L; ông Trần Hồng H4 là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Chi Cục THA dân sự TP. S;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội